

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 20 - 10 - 2021.

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 29/2021/TB-TA ngày 24/9/2021 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 29A/2021/TB-TA ngày 13/10/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1982.

* **Bị đơn:** Chị Bùi Thị K, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố TT, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T, chị K có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của các đương sự cùng các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị K chung sống với nhau từ năm 2014 và đến ngày 20/4/2021 anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị tiếp tục chung sống tại gia đình anh T ở tổ dân phố TT, phường TC. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không còn hợp nhau về quan điểm sống, cách sống dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra việc cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không hề quan tâm đến cuộc sống của nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nay cả anh T và chị K đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn, anh T đề nghị giải quyết ly hôn và chị K cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Trần Ngọc K.A, sinh ngày 01/7/2014 (con gái) và cháu Trần Ngọc KL, sinh ngày 20/7/2016

(con gái). Khi ly hôn, anh T xin nuôi cả 02 con chung và không đề nghị việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng nếu chị K tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung như thế nào thì anh cũng đồng ý. Chị Bùi Thị K nhất trí giao cả 02 cháu Trần Ngọc K.A, Trần Ngọc KL cho anh T nuôi dưỡng và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ cho đến khi các cháu Trần Ngọc K.A, Trần Ngọc KL trưởng thành.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có. Hiện chị K không có thai nghén gì.

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyên vọng của cháu Trần Ngọc K.A: Hiện nay cháu đang ở với bố cháu và cháu đang học ở trường tiểu học TC. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với bố.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường TC: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T, chị K ly hôn theo thẩm quyền trên cơ sở quy định pháp luật. Anh T và chị K có 02 con chung Trần Ngọc K.A, Trần Ngọc KL đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu trên cơ sở nguyên vọng của hai bên và thực tế điều kiện nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyên vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn T.

+ Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Bùi Thị K.

+ Về con chung: Giao anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung là cháu Trần Ngọc K.A, sinh ngày 01/7/2014 (con gái) và cháu Trần Ngọc KL, sinh ngày 20/7/2016 (con gái). Chị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ, cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Anh T, chị K phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Chị K phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Bùi Thị K có địa chỉ tại thôn tổ dân phố TT, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa anh Trần Văn T và chị Bùi Thị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Trần Văn T và bị đơn chị Bùi Thị K đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt anh T, chị K tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Bùi Thị K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/4/2017 tại Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn T thì thấy: Cuộc hôn nhân giữa anh T và chị K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đã có thời gian khoảng 07 năm chung sống cùng nhau. Quá trình chung sống, hai bên cũng có bất đồng quan điểm sống, cách sống nên đến đầu năm 2021 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa và đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn dành cho nhau nữa. Anh T đề nghị giải quyết ly hôn, chị K cũng nhất trí thuận tình ly hôn, chứng tỏ cả hai bên đều không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được và không thể kéo dài, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của hai bên anh chị.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị thống nhất có 02 con gái chung là cháu Trần Ngọc K.A, sinh ngày 01/7/2014 (con gái) và cháu Trần Ngọc KL, sinh ngày 20/7/2016 (con gái), hiện nay cả hai cháu đang ở với anh T. Xét nguyện vọng của anh T, chị K và cháu K.A cũng như điều kiện thực tế hiện nay của hai bên nên Hội đồng xét xử thấy để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu Trần Ngọc K.A, Trần Ngọc KL, cần giao cả 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng và chị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ, cho đến khi các cháu trưởng thành phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Anh T, chị K đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T nộp toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị K.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị K.

2/ Về con chung: Giao anh Trần Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần Ngọc K.A, sinh ngày 01/7/2014 (con gái) và cháu Trần Ngọc KL, sinh ngày 20/7/2016 (con gái), chị Bùi Thị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Văn T mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ tháng 10 năm 2021, cho đến khi các cháu Trần Ngọc K.A, Trần Ngọc KL trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí:

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị K mỗi người phải nộp 150.000đ.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị K phải nộp 300.000đ.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T xin nộp cả phần án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị K. Anh Trần Văn T phải nộp tổng cộng là 600.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0006051 ngày 23/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh Trần Văn T còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Quyền kháng cáo đối với bản án: anh T, chị K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường TC, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuyên

